

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG
Bản án số: 51/2023/HS-ST
Ngày 15-11-2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tôn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh, đơn vị công tác: Chủ tịch Hội luật gia huyện Gò Quao.

2. Ông Nguyễn Hiếu Nghĩa, đơn vị công tác: Giáo viên – Phó Hiệu trưởng Trường Trung cơ sở thị trấn huyện Gò Quao.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vũ Đức, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Bà Thị Kim Lài, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 40/2023/TLST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2023/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2023; đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 01/01/1988, nơi sinh: G - Kiên Giang. Nơi cư trú: ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Lê Ngọc H, vợ là Lý Thị Mỹ C và 03 người con, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2022. Tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam theo lệnh bắt bị can để tạm giam số 14 ngày 15/7/2023 của Cơ quan Cảnh sát cảnh sát điều tra - Công an huyện G (bắt ngày 23/7/2023), có mặt.

Bị hại: Ông Bùi Thanh L, sinh năm 1971. Nơi cư trú: ấp A, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Nơi ở hiện nay: Khu phố P, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Có mặt

Người làm chứng:

1/ Ông Phan Văn L1, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Khu phố P, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Có đơn xin vắng mặt

2/ Em Bùi Vĩ K, sinh năm 2007. Nơi cư trú: Khu phố P, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Có đơn xin vắng mặt

Người giám hộ cho Bùi Vĩ K: Ông Bùi Thanh L, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Khu phố P, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 12/3/2023 Nguyễn Ngọc D từ nhà thuộc ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang điều khiển xe đến nhà vợ chồng ông Bùi Thanh L và bà Ngô Thị D1 thuộc khu phố P, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang để phụ giúp tiếp khách, do vợ chồng ông L có tổ chức hội thảo về Bảo hiểm nhân thọ AIA tại Trường trung học phổ thông thị trấn G, sau khi kết thúc hội thảo vợ chồng ông L mời mọi người đến nhà để dự tiệc, có khoảng 15 người đến tham gia. Đến khoảng 22 giờ thì mọi người ra về, riêng D do say rượu nên D xin ngủ lại và vợ chồng ông L đồng ý. Sau đó vợ chồng ông L đi về nhà ở chợ G để ngủ, chỉ còn D ngủ một mình trong nhà nên ông L khóa cổng. Đến 07 giờ ngày 13/3/2023 D thức dậy, thấy nhà của ông L không có người, D đi ra ngoài định lấy xe về thấy cổng nhà đã khóa, lúc này D nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, nên đi vào trong nhà rồi vào phòng ngủ, thì nhìn thấy một chiếc máy tính bảng nhãn hiệu Ipad được để trên chiếc bàn gỗ, loại bàn học sinh, D lấy chiếc Ipad cầm trên tay đi ra mở cốp xe giấu chiếc Ipad vào bên trong, D sử dụng cây tu vít mở chốt cổng rồi điều khiển xe đi một đoạn khoảng 100m dừng lại mở cốp xe tháo ốp lưng I rút bỏ, D điều khiển xe đến nhà ông L ở chợ G để mượn tiền rồi chạy lại nhà của ông Phan Văn L1 cách nhà ông L khoảng 400m, tại đây D tiếp tục uống rượu cùng với ông L1, sau đó ngủ lại. Khoảng 11 giờ ngày 13/3/2023, Bùi Vĩ K con ông L đi học về tìm máy tính bảng (loại I) để học bài thì không thấy, qua xem hình ảnh lưu trên Camera thì thấy D cầm chiếc Ipad, ông L trình báo Công an, qua kiểm tra gia đình còn phát hiện mất thêm 01 điện thoại di động hiệu LG và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày bị cáo D thức dậy do nhớ đến chuyện mượn ghế cho ông L tổ chức tiệc nhậu đến hẹn trả, nên D điều khiển xe quay lại nhà ông L, tại đây gặp lực lượng Công an thị trấn, Nguyễn Ngọc D thừa nhận hành vi của mình và mở cốp giao nộp chiếc Ipad. Riêng đối với việc ông L khai bị mất trộm 01 điện thoại di động hiệu LG và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro, bị cáo Nguyễn Ngọc D không thừa nhận.

*Tại kết luận định giá tài sản số 11 ngày 10/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện G kết luận như sau:

- Một máy tính bảng, nhãn hiệu Ipad, màu vàng đồng, loại màn hình cảm ứng, số seri: DMPDF042MDGO, mới 12/2019, tình trạng màn hình bề, thời điểm tháng 3/2023, trị giá: 2.925.075 đồng (*Hai triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn không trăm bảy mươi lăm đồng*)

- Một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro, màu vàng đồng, mua vào tháng 02/2023, thời điểm tháng 3/2023, trị giá: 9.905.900đ (*Chín triệu chín trăm lẻ năm nghìn chín trăm đồng*)

- Một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu LG, màu trắng, mua vào tháng 01/2023, thời điểm tháng 3/2023, giá trị: 6.945.200đ (*Sáu triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm đồng*)

Tổng giá trị tài sản là: 19.776.175đ (*Mười chín triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm bảy mươi lăm đồng*).

* Về vật chứng: Một máy tính bảng, nhãn hiệu Ipad, màu vàng đồng, loại màn hình cảm ứng, số seri: DMPDF042MDGO, tình trạng màn hình bể (đã qua sử dụng).

Cơ quan điều tra đã trả lại chủ sở hữu ông Bùi Thanh L một máy tính bảng, nhãn hiệu Ipad, màu vàng đồng, loại màn hình cảm ứng, số seri: DMPDF042MDGO, tình trạng màn hình bể, theo biên bản ngày 28/8/2023.

Tại Bản cáo trạng số 46/CT-VKSND-GQ, ngày 02/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc D về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc D phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54 Bộ luật hình sự và khoản 5 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc D 03 (ba) tháng 23 (Hai mươi ba) ngày tù bằng với thời hạn tạm giam (từ ngày 23/7/2023 đến ngày 15/11/2023), tuyên trả tự do tại phiên tòa.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Bùi Thanh L yêu cầu bị cáo Nguyễn Ngọc D phải bồi thường thiệt hại chi phí sửa chữa, gồm: Tiền thay màn hình: 2.500.000đ; tiền ép kính: 1.000.000đ; tiền dán cường lực: 200.000đ; tiền vỡ bao ốp lưng: 200.000đ. Tổng số tiền là 3.900.000 đồng; bị cáo đồng ý bồi thường. Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 592 Bộ luật dân sự đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Gò Quao chấp nhận yêu cầu của bị hại ông Bùi Thanh L, buộc bị cáo Nguyễn Ngọc D bồi thường cho bị hại ông Bùi Thanh L với tổng số tiền là 3.900.000 đồng.

Bị cáo thừa nhận hành vi của mình như Cáo trạng truy tố và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an huyện G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy

định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Sự có mặt của những người tham gia tố tụng: Những người làm chứng ông Phan Văn L1 và em Bùi Vĩ K đều có đơn xin vắng mặt và việc vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Xét thấy việc vắng mặt những người này nhưng trước đó đã có lời khai tại cơ quan điều tra, việc vắng mặt này không gây trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Xét lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng, biên bản đối chất, kết luận định giá cũng như các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định vào khoảng 07 giờ 00 phút ngày 13/3/2023 tại khu phố P, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang, bị cáo đã lợi dụng ông Bùi Thanh L đi vắng, đã lén lút lấy trộm 01 máy tính bảng, nhãn hiệu Ipad, màu vàng đồng, giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt là 2.925.075 đồng (*Hai triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn không trăm bảy mươi lăm đồng*) nhằm sử dụng cá nhân. Như vậy, hành vi lấy trộm tài sản của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao truy tố bị cáo về tội trộm cắp tài sản là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tính chất mức độ phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình. Bị cáo nhận thức được quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác luôn được pháp luật bảo vệ, mà bất kỳ ai có hành vi xâm phạm đều bị xử lý nghiêm nhưng với bản chất lười lao động muốn có tài sản để sử dụng và nhằm thỏa mãn nhu cầu cá nhân bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội nên cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Tài liệu lý lịch thể hiện bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại phiên tòa bị hại có yêu cầu xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo khi lượng hình.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại, chi phí sửa chữa chiếc Ipad với tổng số tiền là 3.900.000 đồng. Bị cáo thống

nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại nên cần buộc bị cáo D phải bồi thường cho bị hại với tổng số tiền 3.900.000 đồng.

[7] Quá trình điều tra bị hại trình bày còn bị mất trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu LG với giá 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 pro với giá 10.300.000đ (*Mười triệu ba trăm nghìn đồng*). Qua điều tra các tài liệu, chứng cứ thu thập được chưa có cơ sở kết luận bị cáo D lấy trộm hai chiếc điện thoại di động nói trên, vì trong khi tổ chức tiệc nhậu tại nhà của bị hại, lượng người tham dự đông, khi kết thúc buổi tiệc bị hại không có kiểm tra lại tài sản, không xác định được thời điểm bị mất trộm. Đối với tài sản mà bị hại khai bị mất trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu LG và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 pro khi nào có đủ tài liệu, chứng cứ sẽ xử lý sau.

[8] Về xử lý vật chứng: Ghi nhận việc Cơ quan điều tra đã trả lại chủ sở hữu ông Bùi Thanh L một máy tính bảng, nhãn hiệu Ipad, màu vàng đồng, loại màn hình cảm ứng, số seri: DMPDF042MDGO, tình trạng màn hình bể (đã qua sử dụng).

[9] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc D phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự và khoản 5 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc D 03 (ba) tháng 23 (Hai mươi ba) ngày tù bằng với thời hạn tạm giam, tuyên trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 592 Bộ luật dân sự; Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc D phải bồi thường cho bị hại ông Bùi Thanh L với số tiền 3.900.000 đồng (*Ba triệu chín trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án. Nếu bên phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong.

Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ và án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ, tổng hai khoản án phí là 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*).

Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện KSND huyện Gò Quao;
- Công an tỉnh Kiên Giang (PV06);
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tôn